

## **Về nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội biểu quyết thông qua ngày 28/11/2013 (gọi tắt là Hiến pháp năm 2013) là bản Hiến pháp thứ 5 trong lịch sử lập hiến của Việt Nam tính từ Hiến pháp năm 1946. Việc ban hành Hiến pháp năm 2013 là một dấu mốc mới trong tiến trình phát triển tư tưởng lập hiến của nước nhà trên cơ sở kế thừa thành tựu lập hiến của gần 70 năm trước đó, phúc đáp yêu cầu đổi mới đất nước trong giai đoạn hiện nay. Một trong những nội dung quan trọng hàng đầu của Hiến pháp năm 2013 là sự thể hiện sâu sắc hơn nữa bản chất dân chủ của chế độ gắn liền với yêu cầu bảo đảm tính pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của nhà nước. Tại khoản 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 trang trọng khẳng định “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.*” Quy định trên nên được hiểu như thế nào cho đầy đủ và sâu sắc. Đây là vấn đề rất quan trọng cần được giải mã một cách thấu đáo.

1. Khẳng định “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân” đi liền với việc khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ” là sự thể hiện trực tiếp nguyên lý về chủ quyền nhân dân - tư tưởng nền tảng trong các bản Hiến pháp của Việt Nam, nhất là bản Hiến pháp năm 2013. Quy định ấy cũng đi kèm với quy định tại Khoản 1 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 theo đó “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.”

Hiến pháp năm 1946, Bản Hiến pháp đầu tiên của chế độ ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo soạn thảo được ban hành trong bối cảnh “sau tám mươi năm tranh đấu, dân tộc Việt Nam đã thoát khỏi vòng áp bức của chính sách thực dân, đồng thời gạt bỏ chế độ vua quan”, nước nhà đã bước sang một kỷ nguyên phát triển mới, giai đoạn “bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn” và “kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ”. Điều thứ nhất của Hiến pháp năm 1946 khẳng định một cách dứt khoát “*Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo.*”

Tinh thần của nguyên tắc ấy được kế thừa trong Hiến pháp năm 1959 bằng quy định tại Điều 4 “Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân.” Hiến pháp năm 1980 tiếp tục khẳng định tại Điều 6 “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.*” Hiến pháp năm 1992 tại Điều 2 khẳng định “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.*”

2. Nguyên tắc “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” gắn liền với việc khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ” khẳng định chủ thể thật sự, chủ thể đích thực và chủ thể tối cao của nhà nước, của tất cả quyền lực nhà nước là Nhân dân. Điều này có nghĩa rằng, ở Việt Nam, quyền lực nhà nước có

nguồn gốc từ Nhân dân. Quyền lực nhà nước, dù do bất cứ cơ quan, cá nhân nào nắm giữ cũng có nguồn gốc từ sự ủy quyền của Nhân dân. Không có thứ quyền lực nhà nước nào có nguồn gốc tự thân, nằm ngoài sự trao quyền, ủy quyền (trực tiếp hoặc gián tiếp) của Nhân dân.

Trong thực tiễn tổ chức bộ máy nhà nước, tuy chỉ Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là các cơ quan mà thành viên của cơ quan này do Nhân dân trực tiếp bầu ra nhưng điều đó không có nghĩa rằng chỉ có các cơ quan này mới là các cơ quan được Nhân dân ủy thác quyền lực. Nguyên tắc “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân” hàm ý rằng, quyền lực nhà nước do các cơ quan nhà nước khác thực hiện (dù đó là cơ quan thực hiện quyền hành pháp, cơ quan thực hiện quyền tư pháp hay bất cứ cơ quan nhà nước nào khác) cũng là sản phẩm của sự trao quyền một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ Nhân dân (qua Hiến pháp và pháp luật).

Tinh thần đó đòi hỏi, trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, bất kể là cơ quan thực hiện quyền lập pháp (Quốc hội), cơ quan thực hiện quyền hành pháp (Chính phủ), cơ quan thực hiện quyền tư pháp (Tòa án nhân dân) và các cơ quan nhà nước khác trong bộ máy nhà nước đều phải bảo đảm tinh thần vì lợi ích của Nhân dân để phục vụ.

3. Nguyên tắc “*tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức*” gắn liền với quy định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ” khẳng định nguồn gốc thể tục của quyền lực nhà nước ở Việt Nam. Điều này cũng có nghĩa rằng, quyền lực nhà nước ở Việt Nam không có nguồn gốc từ thần quyền, mà có nguồn gốc từ Nhân dân. Trước đây, trong thời phong kiến, nhà vua hoặc hoàng đế thường tự coi mình là “thiên tử” (con trời), được trời đưa xuống để chăm lo, giáo hóa, cai trị nhân dân chứ không phải chủ thể nhận sự ủy thác của Nhân dân. Chính vì thế, quan lại được coi là cha mẹ dân, được “thiên tử” ủy thác cho việc chăm lo, cai trị thần dân. Vua (“thiên tử”) không phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước Nhân dân mà chỉ phải chịu trách nhiệm trước “trời”, chỉ cần hành xử theo “thiên mệnh”. Quan lại cũng không phải chịu trách nhiệm trước Nhân dân mà chỉ phải chịu trách nhiệm trước Vua (“thiên tử”). Trong chế độ phong kiến ấy, sự chuyển giao quyền lực tối cao của nhà nước được thực hiện bằng con đường “thé tập” theo kiểu cha truyền, con nối, “con vua thì lại làm vua, coi sái ở chùa đi quét lá đa”. Nhân dân không phải là người chủ mà nhà vua có trách nhiệm phục vụ, ngược lại, chính nhân dân có trách nhiệm phục vụ nhà vua. Những tư tưởng phản động kể trên đã bị cuộc cách mạng tháng Tám, do Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kiên quyết bác bỏ khi xây dựng chế độ mới. Ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng lâm thời vào ngày 3/9/1945 (tức là chỉ một ngày sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp, nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một bản Hiến pháp dân chủ.”<sup>11</sup>

Với tư cách là sự phủ định của các tư tưởng phong kiến, thần quyền về nguồn gốc của quyền lực nhà nước, nguyên tắc “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân” đòi hỏi trong mối quan hệ giữa Nhà nước với Nhân dân thì Nhà nước không phải là chủ của Nhân dân, các cơ quan nhà nước, dù là cơ quan có quyền lực ở mức nào cũng không phải là chủ của Nhân dân, mà ngược lại chính Nhân dân mới là chủ của Nhà nước, Nhân dân

thực hiện quyền làm chủ đối với Nhà nước. Điều này cũng có nghĩa rằng, Nhà nước có trách nhiệm cao nhất là phục vụ Nhân dân. Nhân dân có tiếng nói cao nhất, cuối cùng về số phận của Nhà nước, của từng cơ quan nhà nước. Tất cả các cơ quan nhà nước, các cán bộ, công chức nhà nước đều phải chịu trách nhiệm trước Nhân dân, phục vụ Nhân dân và hành xử vì lợi ích của Nhân dân. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đều phải là công bộc của Nhân dân. Điều đó cũng phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh mà toàn Đảng, toàn dân ta đang ra sức thực hiện. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng diễn giải bằng một ngôn ngữ rất giản dị nhưng hết sức sâu sắc về dân chủ: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác làm gì? *Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân chứ không phải làm quan cách mạng.*”<sup>[2]</sup>

4. Nguyên tắc “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” cũng có nghĩa hẽ cứ là công dân Việt Nam thì đều là người làm chủ Nhà nước, không phân biệt giới tính, giai cấp, tôn giáo, tín ngưỡng, chính kiến, nguồn gốc xuất thân, quá khứ chính trị. Điều ấy cũng thể hiện rõ tinh thần đại đoàn kết toàn dân trong các chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, khẳng định nền tảng của Nhân dân là “liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” hàm ý một yêu cầu rất quan trọng, dù Nhà nước được xác định là của Nhân dân nhưng phù hợp với truyền thống lịch sử, gắn với thực tiễn Việt Nam hiện nay Nhà nước ấy phải là nhà nước phục vụ lợi ích và bảo đảm lợi ích cho đông đảo các tầng lớp nhân dân trong xã hội, mà trước hết là những người lao động trong xã hội. Thực tiễn lịch sử ở nhiều nước cho thấy không phải cứ tuyên bố quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân thì đương nhiên mọi người dân đều có quyền như nhau đối với Nhà nước. Ở không ít quốc gia, các lực lượng cần lao rất khó tiếp cận với các cơ hội hoạt động chính trị, rất khó tham gia vào bộ máy nhà nước và rất khó bảo đảm được rằng Nhà nước ấy thực sự là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Ở những nước như vậy, chính quyền thường bị các nhóm lợi ích thiểu số lũng đoạn và khi ấy sớm hay muộn chính quyền cũng sẽ quay lưng lại với Nhân dân, phản bội lại lợi ích của Nhân dân. Chính vì vậy, trong bối cảnh thực tế giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức là lực lượng cơ bản nhất, đông đảo nhất trong xã hội, yêu cầu “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” vẫn được xem là phù hợp và cần thiết. Yêu cầu bảo đảm quyền lực nhà nước phải thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đặt ra trách nhiệm rất lớn đối với Nhà nước theo đó Nhà nước phải có trách nhiệm tạo điều kiện để những người có thu nhập không hẳn là cao trong xã hội nhưng vẫn không những không bị loại ra khỏi các cơ hội phát triển bình đẳng về chính trị. Đây là điều không hề dễ dàng.

5. Nguyên tắc “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” là nguyên tắc rất căn bản của Hiến pháp năm 2013, thể hiện bản chất cốt lõi của chế độ ta. Chính vì vậy, đây cũng là tư tưởng chủ đạo chi phối việc thiết kế nhiều quy định khác trong Hiến pháp và thiết kế các quy định cụ thể trong pháp luật Việt Nam. Cụ thể:

- Tại Điều 3 Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ trách nhiệm, sứ mệnh phục vụ Nhân dân của Nhà nước, theo đó, “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công

dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ám no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.” Cần lưu ý rằng, trách nhiệm, sứ mệnh phục vụ Nhân dân này là yêu cầu có tính xuyên suốt trong mọi chính sách của Nhà nước, mọi quy định của pháp luật do Nhà nước ban hành. Trách nhiệm, sứ mệnh phục vụ Nhân dân vì thế không chỉ là trách nhiệm, sứ mệnh chung của toàn thể bộ máy nhà nước, mà phải trở thành trách nhiệm, sứ mệnh cụ thể của từng cơ quan nhà nước, từng cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy ấy. Chính vì thế, khoản 2 Điều 8 Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: “*Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền.*” Theo tinh thần đó, mọi biểu hiện quan liêu, xa dân, cửa quyền, hách dịch, tệ nạn tham nhũng, lãng phí đều được coi là xa lạ với bản chất của chế độ ta, của nhà nước ta và trở thành vấn đề cần được giải quyết triệt để bằng các phương thức phòng, chống phù hợp. Phù hợp với tinh thần đó, Hiến pháp năm 2013 đề cao hơn cơ chế kiểm soát quyền lực Nhà nước, bảo đảm tốt hơn sự kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Cụ thể, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục quy định quyền giám sát tối cao của Quốc hội (cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân) đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước bao gồm cả cơ quan thực hiện quyền hành pháp, cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Các cơ quan như Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đều phải báo cáo công tác trước Quốc hội và chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội. Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội họp công khai (Điều 83), Luật, Pháp lệnh phải được công bố (Điều 85), Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng phải thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân (Điều 98 và 99), Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân (Điều 102), Tòa án nhân dân xét xử công khai (Điều 103), Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương (Điều 113). Hiến pháp năm 2013 cũng quy định rõ trách nhiệm của đại biểu dân cử phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri (Điều 79 và Điều 115).

- Với yêu cầu bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, Hiến pháp năm 2013 khẳng định đầy đủ và sâu sắc hơn các phương thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước. Điều 6 Hiến pháp năm 2013 khẳng định rõ “*Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước.*”. Như vậy, cả hai hình thức thực hiện quyền lực nhà nước là thực hiện bằng dân chủ đại diện thông qua các cơ quan dân cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) và các cơ quan nhà nước khác và thực hiện dân chủ trực tiếp đều được Hiến pháp ghi nhận. Khẳng định Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước cũng hàm ý yêu cầu các cơ quan nhà nước, khi ra quyết sách hoặc thực thi quyền lực, đều phải lưu ý rằng, các công việc mình đang thực hiện đều là các công việc do Nhân dân ủy thác. Chính vì thế, khi ban hành các quyết sách, thực thi công vụ, các cơ quan nhà nước đều không được làm trái lợi ích của Nhân dân mà phải thực hiện một cách tận tụy nhất, trung thành nhất với lợi ích của Nhân dân. Đây cũng là sự thể hiện yêu cầu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn các cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức

nà nước rằng “việc gì có lợi cho dân thì phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh.” Để đảm bảo yêu cầu đó, một trong những điều tiên quyết phải thực hiện là bảo đảm sự thiết lập một cơ chế bầu cử thực chất, phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng của Nhân dân khi bầu ra thành viên các cơ quan dân cử. Người đại biểu dân cử phải trung thành với lợi ích của Nhân dân và khi không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì sẽ bị bãi nhiệm. Tinh thần đó được thể hiện trong Điều 7 Hiến pháp năm 2013: “*Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.... Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc Quốc hội, Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân.*”

Việc khẳng định Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp thể hiện một bước tiến mới trong nhận thức của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta trong tiến trình mở rộng và phát huy dân chủ. Trên thực tế, các hình thức dân chủ trực tiếp đã ngày càng được Nhà nước ta coi trọng hoàn thiện về mặt thể chế và tổ chức thực hiện trên thực tiễn. Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 đã quy định rất nhiều công việc Nhân dân ở địa phương trực tiếp bàn, quyết định và chính quyền có trách nhiệm bảo đảm thực hiện. Chẳng hạn, Điều 10 của Pháp lệnh này quy định rõ “Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật”. Cũng tại Điều 13 của Pháp lệnh quy định những công việc do Nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định như “Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng”. Hiện nay, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở nước ta đang xúc tiến xây dựng Luật Trung cầu ý dân, Luật Tiếp cận thông tin và một số đạo luật khác có liên quan nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế để các hình thức dân chủ trực tiếp ngày càng được thực hiện đa dạng hơn trong thực tiễn.

Một điểm cũng rất cần lưu ý khi đề cập tới yêu cầu bảo đảm quyền lực nhà nước thực sự là của Nhân dân là việc thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do Nhân dân lập ra. Điều đó thể hiện rõ trong quy định tại Điều 9 Hiến pháp năm 2013. Cụ thể: Điều 9 Hiến pháp năm 2013 (trên cơ sở kế thừa và bổ sung quy định tại Điều 9 Hiến pháp năm 1992<sup>[3]</sup>). Theo đó, “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*” Việc bổ sung trách nhiệm “giám sát, phản biện xã hội”, khẳng định quyền và trách nhiệm “tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước” của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng là một hình thức mở rộng và phát huy dân chủ trong điều kiện xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng. Điều cần lưu ý nữa là Hiến pháp đã chính thức ghi nhận sự tồn tại của các tổ chức xã hội ngoài các tổ chức chính trị-xã hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thông qua quy định tại Khoản 3 Điều 9 Hiến pháp năm

2013 theo đó “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.”

Quy định “Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân” còn trực tiếp chi phối việc thiết kế các quy định về quyền công dân, quyền con người trong Hiến pháp năm 2013. Trên cơ sở kế thừa và bổ sung, phát triển quy định của Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 đã quy định hàng loạt quyền con người, quyền công dân mà mỗi cá nhân người dân Việt Nam đều được hưởng dụng để xây dựng cuộc sống của mình, tham gia các mặt hoạt động của xã hội, phát triển cộng đồng, xây dựng đất nước. Trong số ấy, phải kể tới các quyền năng trong lĩnh vực chính trị như quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình (Điều 25), quyền bầu cử và ứng cử (Điều 27), quyền tham gia quản lý nhà nước (Điều 28), quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân (Điều 29) và quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 30). Chẳng hạn, theo Điều 27 Hiến pháp năm 2013, công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Theo Điều 28 Hiến pháp năm 2013, công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân. Theo Điều 30 Hiến pháp năm 2013, mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác.

6. Từ góc độ lý luận về luật Hiến pháp, có thể khẳng định rằng, bảo đảm trong thực tế “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân” đi liền với việc khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ”, bảo đảm Nhà nước ta thực sự là nhà nước “của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu bảo đảm tính chính danh, chính đáng của hệ thống chính quyền ở nước ta. Đây cũng là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu bảo đảm sự bền vững của một chế độ. Quy định tinh thần, tư tưởng ấy trong Hiến pháp năm 2013 một lần nữa tô đậm thêm truyền thống chính trị vì dân ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo tiền đề tiếp tục xây dựng và củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Nhân dân và chế độ.

**TS. Nguyễn Văn Cương - Phó Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp**

[1] Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, NXB. Sự Thật, Hà Nội, 1984, tr. 6.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, H. 1995, tập 8, tr. 375.

[3] Điều 9 Hiến pháp năm 1992 quy định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức Nhà nước. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên hoạt động có hiệu quả.”